

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS - ST

Ngày 20/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Quang Huy**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vi Thanh Cầm** và bà **Cà Nguyễn Duyên**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Nông Thị Quế** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2022/TLST-HS, ngày 11 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Đinh Thị Huyền T (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 07 tháng 3 năm 1983 tại Cao bằng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề N: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Xuân N (Đã chết) và bà Đàm Thị N; Chồng Phạm Ngọc H; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nông Văn L, sinh năm 1983.
2. Hoàng Lường N, sinh năm 1989.
3. Trần Ngọc T, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Thôn C1, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 7 năm 2021, do không có công việc ổn định nên Định Thị Huyền T có ý định sang T Quốc lao động làm thuê vì chồng của T là Phạm Ngọc H đang làm thuê tại xưởng sản xuất giấy thuộc tỉnh Quảng Đông, T Quốc. Khi H gọi điện thoại về cho T thì Nông Văn L là bạn của H đang ở nhà T chơi, L đã nói chuyện với H qua điện thoại. Quá trình nói chuyện, H nói “Công việc bên này cũng ổn, làm ăn cũng được”, “lương tháng được khoảng 3.000 NDT đến 4.000 NDT”, L nói “nếu thế thì cho L sang làm cùng với, vì bên này không có việc làm” H trả lời “để hỏi lại chủ lao động bên này xem thế nào”. Sau đó L đi về nhà, khoảng ba ngày sau L lại đến nhà T thì được T báo cho biết bên T Quốc vẫn nhận người, nếu đi thì đi cùng T, L đồng ý và nhờ T hỏi đường đi, chi phí đi sang T Quốc như thế nào để L về chuẩn bị tiền. Sau đó, L về nhà nói cho vợ là Hoàng Lường N biết việc chuẩn bị đi T Quốc lao động làm thuê thì N nói đi cùng và được L đồng ý.

Sau đó, T lên mạng xã hội Facebook để tìm người dẫn đường sang T Quốc, khoảng một tuần sau T tìm được người môi giới và được thông báo giá để đi sang T Quốc là 6.300 NDT/1 người, tương đương khoảng 20.000.000 đồng, T thông tin và L đồng ý.

T gọi điện báo H trả trước số tiền 6.300 NDT (sáu nghìn, ba trăm nhân dân tệ) cho người môi giới để dẫn T đi sang T Quốc, sau đó T gửi tài khoản Zalo của H cho người môi giới để hai người tự liên lạc với nhau.

Nông Văn L biết H đã trả tiền cho T để đi sang T Quốc nên gọi điện thoại nói với H, L sẽ chuyển tiền cho H để trả tiền chi phí đi T quốc hộ hai vợ chồng L, được H đồng ý. Đến ngày 24/7/2021 L sang nhà Trần Ngọc T nhờ T chuyển số tiền khoảng 52.000.000 đồng tương đương 14.200 NDT (mười bốn nghìn, hai trăm nhân dân tệ) cho H. T liên lạc với H qua Wechat và được H cung cấp cho một mã QR để nhận tiền của một người tên Vũ Thị Hoa, sinh năm 1980 trú tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên để nhờ Hoa chuyển số tiền 13.000 NDT (mười ba nghìn, nhân dân tệ) tương đương 47.190.000đ (bốn mươi bảy triệu, một trăm chín mươi nghìn- VNĐ) vào mã QR do H cung cấp, sau đó T đã chuyển số tiền trên vào tài khoản Techcombank số 19032470956011 cho Hoa, số tiền còn lại là 1.200 NDT (một nghìn, hai trăm nhân dân tệ) tương đương khoảng 4.320.000đ (bốn triệu, hai trăm ba mươi nghìn- VNĐ) thì T đưa lại cho L.

T thống nhất với L về thời gian đi và phương tiện di chuyển đi bằng xe mô tô của cá nhân. Đến khoảng 05 giờ ngày 25/7/2021 L chở N bằng xe mô tô BKS 97B1-733.00 của L, còn T tự đi xe mô tô BKS 11B1-322.72 của T, cả ba người cùng xuất phát từ xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn đi đường qua hồ Ba Bể, qua thị trấn Chợ Rã đến xã Hà Hiệu, đi qua xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể đến huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì đi đến nhà mẹ đẻ T là bà Đàm Thị Ngân, sinh năm 1958 trú tại tổ 8, phường Tân Giang, thành phố

Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng để nghỉ ngơi và gửi xe mô tô tại đó. Sau đó, T gọi điện thoại cho người môi giới báo là đã đến thành phố Cao Bằng, thì người môi giới báo cứ nghỉ ngơi khi nào đi sẽ gọi, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, người môi giới gọi điện thoại cho T báo đi xe ô tô ta xi đến bến xe ô tô khách Cao Bằng sẽ có người đứng đợi. Rồi cả ba người gọi xe ô tô taxi đi từ nhà bà Ngân đến bến xe khách Cao Bằng, đến nơi ba người ngồi đợi tại quán nước ở cổng bến xe, khoảng 30 phút sau thì có một chiếc ô tô taxi màu xanh đến đón và đưa T, L và N đi vào huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Khi đến huyện Trùng Khánh qua một đường đoạn vắng người, có nhiều đồi núi xe ta xi dừng thì có một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) đứng chờ sẵn ở đường dẫn ba người đi bộ theo đường rừng khoảng 3 đến 4 giờ đồng hồ thì đến khu vực giáp biên giới, T, L, N phải đưa cho người dẫn đường số tiền 3.000.000 đồng. Đi đến địa phận giáp biên giới Việt - T người dẫn đường nói cứ đi tiếp một lúc nữa sẽ có người T Quốc đón, rồi người đàn ông đó quay về. T, L, N tiếp tục đi bộ theo đường rừng, một lúc sau thì gặp một người đàn ông T Quốc đón, cả ba lại tiếp tục đi bộ khoảng 30 phút thì có xe ô tô chờ sẵn, ba người cùng lên xe ô tô di chuyển sâu vào nội địa T Quốc. Khoảng 06 đến 07 giờ sáng ngày 26/7/2021 đến địa điểm nghỉ thuộc tỉnh Nam Ninh, T Quốc, tại đây thì T, L và N bị Công an T Quốc kiểm tra, do không xuất trình được giấy tờ nên đã đưa đi cách ly phòng chống dịch Covid19 khoảng 40 ngày. Sau đó cả ba người cùng bị giam tại Nam Ninh, T Quốc hơn hai tháng, đến ngày 25/11/2021 được trao trả về Việt nam qua cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, rồi đưa đi cách ly phòng chống dịch Covid 19 tại T đoàn 852, tại xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng 14 ngày. Sau đó, T, L, N cùng về nhà bà Ngân lấy xe mô tô rồi trở về xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn.

Tại Bản cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 09/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Đinh Thị Huyền T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào tổ chức... cho người khác trốn đi nước ngoài...trái phép,nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Thị Huyền T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo

quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng và phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết thêm nội dung nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận phù hợp với lời khai của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 25/7/2021, Đinh Thị Huyền T đã có hành vi liên hệ với người môi giới, tổ chức dẫn đường đưa Nông Văn L và Hoàng Lương N trốn sang T Quốc để lao động làm thuê. Khi sang đến T Quốc, cả ba người bị Công an T Quốc phát hiện sau đó trao trả về Việt Nam.

Hành vi tổ chức cho người khác trốn sang T Quốc nhưng không được sự cho phép của cơ quan chức năng của bị cáo đã cấu thành tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự. Việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi bị cáo thực hiện là nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất, nhập cảnh và cư trú của các cơ quan Nhà nước, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đầy đủ nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, hiểu được việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài khi không thực hiện thủ tục xuất cảnh theo quy định là vi phạm pháp luật song bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Việc phạm tội của bị cáo một phần cũng xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng muốn tìm việc làm để có thu nhập của những người được bị cáo tổ chức trốn đi nước

ngoài, song hành vi tổ chức xuất cảnh khi không được cơ quan chức năng cho phép là vi phạm. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc làm của mình đã gây thiệt hại về kinh tế cho những người liên quan nên bị cáo đã tự nguyện khắc phục H quả bằng cách bồi thường cho ông Nông Văn L và bà Hoàng Lường N số tiền 5.000.000 đồng thể hiện tại Giấy biên nhận lập ngày 09/7/2022 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục H quả". Ngoài ra, bị cáo có bố chồng là ông Phạm Văn Quý được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này bị cáo phạm tội không nhằm mục đích hưởng L từ việc đưa người khác trốn sang T Quốc. Những người được bị cáo đưa sang T Quốc đều tự nguyện đi vì muốn tìm được việc làm. Xét động cơ, mục đích phạm tội và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, đủ khả năng tự cải tạo tại địa phương mà không cần thiết phải đi cách ly tập T. Do vậy, HĐXX thấy có đủ cơ sở cho bị cáo hưởng án treo theo quy định. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo có tài sản đảm bảo thực hiện được nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của Đình Thị Huyền T, Nông Văn L và Hoàng Lường N, ngày 25/11/2021 đã bị Đoàn biên phòng Cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 17, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Tuy

nhiên, sau đó Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Bắc Kạn xác định hành vi mà Đinh Thị Huyền T thực hiện có dấu hiệu tội phạm và đã khởi tố T về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài". Căn cứ khoản 3 Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm g khoản 1 Điều 13 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và theo đề nghị của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Bắc Kạn, Đoàn biên phòng Cửa khẩu Trà Lĩnh đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-HB ngày 19/8/2022 đối với Đinh Thị Huyền T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Trần Ngọc T là người được L nhờ chuyển tiền sang T Quốc cho Phạm Ngọc H. Quá trình điều tra xác định: T không biết L chuyển tiền cho H là tiền chi phí cho người môi giới để tổ chức cho L và N sang T Quốc. Việc T có liên hệ với Phạm Ngọc H về việc L nhờ chuyển tiền, rồi H cung cấp mã QR cho T chuyển tiền vào tài khoản của Vũ Thị Hoa, T không được hưởng L từ việc chuyển tiền và H cũng không nói cho T biết mục đích việc chuyển tiền, đồng thời Nông Văn L khai khi nhờ T chuyển tiền cho H cũng không nói lý do cho T biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét để xử lý trách nhiệm đối với T là đúng quy định.

Đối với Đàm Thị Ngân, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc T, L, N xuất cảnh trái phép sang T Quốc, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với Vũ Thị Hoa, theo lời khai của Trần Ngọc T, sau khi nhận chuyển tiền hộ L cho H, H đã cung cấp số tài khoản của Vũ Thị Hoa và T đã chuyển tiền vào số tài khoản của Hoa. Cơ quan điều tra đã thu thập thông tin cá nhân và chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Trần Ngọc T, Vũ Thị Hoa tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (Techcombank), kết quả phù hợp với lời khai của T về việc chuyển tiền cho Hoa. Quá trình xác minh Vũ Thị Hoa không có mặt tại địa phương, nên chưa lấy được lời khai của Hoa. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ sau.

Đối với Phạm Ngọc H, quá trình xác minh hiện nay H đang ở T Quốc lao động làm thuê, không có mặt tại địa phương nên không lấy được lời khai, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ sau là đúng quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thị Huyền T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Thị Huyền T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đinh Thị Huyền T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy